

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 350/2024/DS-PT

Ngày: 19-12-2024

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dân, bà Nguyễn Thị My My

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 343/2024/TLDS-PT ngày 30/10/2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 329/2024/QĐ-PT ngày 08/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 317a/2024/QĐ-PT ngày 27/11/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà H W Bkrông, sinh năm 1980, (có mặt)

Địa chỉ: Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà H R Triêk, sinh năm 1973, (có mặt)

Địa chỉ: Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Y T Knông, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Buôn D, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3. Người làm chứng:

3.1. Bà H R1 Triêk, (có mặt)

Địa chỉ: Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

3.2. Bà H C Triêk, sinh năm 1958, (có mặt)

Địa chỉ: Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

3.3. Ông Y B Triêk, sinh năm 1960, (có mặt)

Địa chỉ: Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

3.4. Ông Y B1 Triêk, sinh năm 1964, (có mặt)

Địa chỉ: Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

3.5. Ông Y P Triêk, (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3.6. ông Y T Kuan, sinh năm: 1969, (có mặt)
Địa chỉ: Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.
4. *Người kháng cáo:* bị đơn bà H R Triêk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà H W Bkrông trình bày:

Bà H W Bkrông là con ruột của ông Y S Triêk và bà H K Bkrông, ông Y S chết năm 2017, bà H K chết năm 2018, khi chết ông Y S và bà H K không để lại di chúc. Bố ruột của ông Y S là ông Y P Sruk, đã chết năm 1955, mẹ ruột của ông Y S là bà H' I Triêk, đã chết năm 1989. Bà H W là con duy nhất của ông Y S và bà H K, bố, mẹ bà H W không có con nuôi. Nên bà là người thừa kế duy nhất của ông Y S và bà H K.

Thửa đất số 221, diện tích 1.780m², thuộc tờ bản đồ số 38, địa chỉ thửa đất: Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P128526 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/9/1999 cho hộ ông Y S Triêk. Có nguồn gốc do bố, mẹ bà H W khai hoang, thời gian cụ thể bà không nhớ rõ, vì khi ấy bà còn nhỏ.

Sau khi khai hoang, bố, mẹ bà trồng bắp, sắn, chuối và làm một căn nhà sàn trên thửa đất này. Sau khi bố, mẹ chết, bà dỡ căn nhà sàn đi để sử dụng thửa đất trên làm nơi chăn thả trâu và trồng bắp, lúa.

Tháng 5/2022 bà H R Triêk ra ngăn cản không cho bà chăn thả trâu trên thửa đất này, đồng thời dỡ hàng rào bằng dây thép gai do bà rào xung quanh thửa đất và dùng lưới B40 rào thửa đất lại. Bà H R cho rằng thửa đất trên là do bố, mẹ H R khai hoang từ trước nên giờ bà lấy lại.

Nay bà H W Bkrông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk buộc bà H R Triêk phải trả lại cho bà H W Bkrông thửa đất số 221, bản đồ số 38, địa chỉ thửa đất: Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà H R Triêk và người đại diện theo ủy quyền của bà H R Triêk trình bày:

Bà H R Triêk là con của ông Y P Buôn Krông và bà H L Triêk (ông Y P chết năm 1973). Năm 1984 bà H L được buôn trưởng cấp một mảnh đất khoảng 1.500m² ở Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk để ở, bà H L và các con khai hoang, trồng hoa màu, dựng nhà sàn, đào giếng, làm kho lúa và chuồng heo trên đất. Đến năm 1994 bà H L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa trắng), nhưng bị mất nên bà H R không cung cấp được cho Tòa án. Năm 1996 bà H L bị ốm nên về ở với bà H R, ông Y S Triêk là anh họ của bà H L hỏi mượn mảnh đất trên để ở nhưng bà H L không cho, xong ông Y S cứ làm nhà ở đất trên. Đến cuối năm 1996 bà H L đòi lại đất, Ủy ban nhân dân xã Yang Tao, huyện L, tỉnh Đắk Lắk giải quyết yêu cầu ông Y S trả lại đất cho bà H L, nhưng ông Y S

không trả. Đến năm 1999 bà H L đi khai báo để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích đất trên, nhưng Ủy ban nhân dân xã Yang Tao, huyện Lắc thông báo diện tích đất trên ông Y S đã khai báo để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi. Bà H L có hỏi thì ông Y S nói lỡ khai báo với đất ruộng, sau này sẽ sang nhượng lại cho con bà H L. Đến năm 2022 bà H W đang sử dụng diện đất trên thì bà H R lấy lại, làm hàng rào xung quanh đất, trồng cây ăn trái, làm chuồng bò, chòi tạm bằng gỗ trên đất cho đến nay.

Do đó, bà H R không chấp nhận trả lại thửa đất số 221, tờ bản đồ số 38, địa chỉ thửa đất tại Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk cho bà H W. Vì thửa đất trên là do nhà nước cấp đất cho bà H L Triêk là mẹ của bà H R Triêk.

Người làm chứng bà H R1 Triêk, bà H C Triêk, ông Y B Triêk, ông Y B1 Triêk trình bày có cùng nội dung như sau:

Bà H R Triêk là em gái của bà H R1 Triêk, bà H C Triêk, ông Y B Triêk, ông Y B1 Triêk. Năm 1984 bà H L Triêk (là mẹ của bà H R Triêk, bà H R1 Triêk, bà H C Triêk, ông Y B Triêk, ông Y B1 Triêk) được buôn trưởng cấp một mảnh đất khoảng 1.500m² ở Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk để ở, gia đình bà H L đã khai hoang và tạo dựng các tài sản trên đất. Đến năm 1994, bà H L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa trắng), nhưng bìa trắng đã bị thất lạc. Năm 1996, ông Y S Triêk là anh họ của bà H L hỏi mượn mảnh đất trên để ở tạm (việc mượn đất, ông Y S chỉ nói miệng). Đến cuối năm 1996 bà H L đòi lại đất, Ủy ban nhân dân xã Yang Tao, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk giải quyết yêu cầu ông Y S trả lại đất cho bà H L.

Toàn bộ tài sản có trên đất tranh chấp là của bà H L và H R tạo dựng. Ông Y S Triêk có mượn đất để trồng hoa màu chứ không tạo dựng tài sản gì trên đất. Năm 2022 H R có rào đất thì bà H W cho rằng đất tranh chấp là tài sản của ông Y S Triêk.

Đối với sự việc tranh chấp giữa H R và H W, thì các ông bà không đồng ý với yêu cầu đòi trả lại đất của H W.

Người làm chứng ông Y T Kuăn trình bày có nội dung như sau:

Ông Y T Kuăn là chồng của bà H R Triêk. Đối với thửa đất tranh chấp giữa bà H W và bà H R có nguồn gốc là của mẹ vợ ông là bà H L Triêk khai hoang. Theo thông tục của người đồng bào, bà H R là con gái út của bà H L nên được hưởng thừa kế thửa đất này. Tài sản trên đất là của bà H L Triêk tạo dựng, sau này là H R tạo dựng. Đối với sự việc tranh chấp giữa H R và H W, thì ông không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2024/DS-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các điều 147, 157, 158, 165, 166, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 166, 357, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 1, khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn bà H R Triêk phải trả lại cho bà H W Bkrông quyền sử dụng đất của thửa đất số 221, diện tích 1.780m² (kết quả đo thực tế là 1.866,7m²), thuộc tờ bản đồ số 38, địa chỉ thửa đất: Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: P 128526 do Ủy ban nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/9/1999 cho hộ ông Y S Triệt.

Tứ cận như sau: Phía Đông Bắc giáp đường bê tông, cạnh dài 50,63m; Phía Tây Bắc giáp ông Y T1 Ê Ung, cạnh dài 34,33m; Phía Tây Nam giáp đất ông Y B3 Ê Ung, cạnh dài 50.52m; Phía Đông Nam giáp đường đất, cạnh dài 33.23m; (Có sơ đồ đo đất kèm theo bản án).

Buộc bà H R Triêk phải di dời những tài sản và cây trồng đã tạo lập trên đất, gồm: 01 chòi tạm bằng gỗ, diện tích 20m²; 01 chuồng bò, diện tích 6m², nền xi măng, mái lợp tôn, xung quanh rào lưới B40, cột bằng gỗ; 168,71m hàng rào bằng lưới B40, gồm: 40 trụ bằng bê tông, cao 1,5m và 168,71m lưới B40.

55 bụi chuối trồng tháng 12/2023 và những cây trồng vào tháng 7/2023, gồm: 64 cây sầu riêng; 04 cây mít; 09 cây dừa; 10 cây mai; 07 cây chôm chôm Thái; 02 cây xoài.

Trả lại nguyên hiện trạng của thửa đất số 221, tờ bản đồ số 38, địa chỉ thửa đất: Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk cho bà H W Bkrông.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/9/2024 bị đơn bà H R Triêk có đơn kháng cáo, với nội dung: kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 13/2024/DS-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà H R Triêk, giữ nguyên bản án số 13/2024/DS-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu,

chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà H R Triết làm trong hạn luật định, bà H R Triết thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[1.2] Đối với kháng cáo của bị đơn bà H R Triết cho rằng về nguồn gốc thửa đất số 221, diện tích 1.780m² (kết quả đo thực tế là 1.866,7m²), thuộc tờ bản đồ số 38, địa chỉ thửa đất: Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk là do bà H L Triết (mẹ bà H R Triết) khai hoang năm 1984 và gia đình bà H R Triết trực tiếp quản lý, sử dụng từ đó đến nay nên bà không đồng ý trả đất cho bà H W Bkrông. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Y S Triết do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lắk cung cấp thì năm 1999 hộ ông Y S Triết làm đơn kê khai xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất 221, địa chỉ thửa đất tại buôn Yôk Đuôn, diện tích 1780m², do gia đình ông Y S khai hoang. Đến ngày 20/9/1999 UBND huyện Lắk đã ban hành quyết định 573/QĐ-UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó hộ ông Y S Triết đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Bà H R cho rằng thửa đất 221, thuộc tờ bản đồ số 38, địa chỉ thửa đất: Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk là do mẹ bà là bà H L Triết khai hoang. Năm 1994, bà H L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa trắng). Năm 1996, ông Y S Triết mượn đất của gia đình bà để ở nhưng bà H R không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời khai của bà.

Ngoài ra, căn cứ vào lời khai của các đương sự đều cho thấy thửa đất tranh chấp do ông Y S Triết canh tác, sử dụng từ năm 1996 đến năm 2017 ông Y S chết và năm 2018 bà H K Bkrông (vợ ông Y S) chết, thì thửa đất tranh chấp được giao lại cho bà H W canh tác, sử dụng. Đến tháng 5/2022 bà H R Triết ra ngăn cản không cho bà H W chăn thả trâu trên thửa đất này vì bà H R cho rằng thửa đất trên là do bố, mẹ H R khai hoang từ trước nên giờ bà lấy lại.

Do đó kháng cáo của bà H R cho rằng thửa đất tranh chấp nêu trên là do bà H L (mẹ bà H R) khai hoang và trực tiếp quản lý, sử dụng từ trước cho đến nay là không có căn cứ.

[2.2] Bà H R Triết kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì không triệu tập những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng. Tại cấp phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà H R Triết có đơn yêu cầu Tòa án triệu tập bà H R1 Triết, bà H C Triết, ông Y B Triết, ông Y B1 Triết và ông Y P Triết là con của bà H L Triết với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: theo đơn khởi kiện, bà H W Bkrông khởi kiện và H R Triết về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất thửa đất

221, thuộc tờ bản đồ số 38, địa chỉ thửa đất: Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Tại cấp sơ thẩm bà H R Triêk khai thửa đất tranh chấp là do bà H L Triêk là mẹ của bà H R khai hoang nhưng bà H R không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Tại cấp phúc thẩm Tòa án triệu tập ông Y T Kuăn, tham gia tố tụng. Ông Y T Kuăn là chồng bà H R Triêk. Ông Y T cho rằng tài sản có trên đất là của mẹ bà H R và bà H R tạo dựng và ông cũng không có ý kiến gì đối với việc tranh chấp giữa bà H W và bà H R.

Căn cứ theo Điều 77 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định bà H R1 Triêk, bà H C Triêk, ông Y B Triêk, ông Y B1 Triêk, ông Y P Triêk và ông Y T Kuăn là người làm chứng trong vụ án. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa triệu tập lấy lời khai của những người làm chứng này là có thiếu sót nhưng lời khai của những người này không làm thay đổi bản chất nội dung vụ án. Nên kháng cáo của bà H R đề nghị hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Tại đơn kháng cáo bà H R đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất P 128526 do Ủy ban nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/9/1999 cho hộ ông Y S Triệt. Đối với yêu cầu này, tại cấp sơ thẩm bà H R không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết đối với yêu cầu kháng cáo này của bà H R.

[2.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H W Bkrông, buộc bà H R Triêk phải trả lại cho bà H W Bkrông quyền sử dụng đất của thửa đất số 221, tờ bản đồ số 38, địa chỉ thửa đất: Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ. Do đó không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà H R Triêk.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Tại cấp phúc thẩm bà H R Triêk có cung cấp giấy chứng nhận hộ cận nghèo, bà H R thuộc trường hợp là người đồng bào thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà H R Triêk nên sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của bà H R Triêk. Sửa một phần bản án dân sự số

13/2024/DS-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 166, 357, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H W Bkrông.

Buộc bị đơn bà H R Triêk phải trả lại cho bà H W Bkrông quyền sử dụng đất của thửa đất số 221, diện tích 1.780m² (kết quả đo thực tế là 1.866,7m²), thuộc tờ bản đồ số 38, địa chỉ thửa đất: Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: P 128526 do Ủy ban nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/9/1999 cho hộ ông Y S Triệt. Thửa đất có tứ cận như sau:

Phía Đông Bắc giáp đường bê tông, cạnh dài 50,63m;

Phía Tây Bắc giáp ông Y T1 Ê Ung, cạnh dài 34,33m;

Phía Tây Nam giáp đất ông Y B3 Ê Ung, cạnh dài 33.58m + 10.75m + 6.19m;

Phía Đông Nam giáp đường đất, cạnh dài 2.86m + 18.33m + 8.67m + 3.55m;
(Có sơ đồ đo đất kèm theo bản án).

Về tài sản trên đất:

Buộc bà H R Triêk phải di dời những tài sản và cây trồng đã tạo lập trên đất, gồm: 01 chòi tạm bằng gỗ, diện tích 20m²; 01 chuồng bò, diện tích 6m², nền xi măng, mái lợp tôn, xung quanh rào lưới B40, cột bằng gỗ; 168,71m hàng rào bằng lưới B40, gồm: 40 trụ bằng bê tông, cao 1,5m và 168,71m lưới B40.

55 bụi chuối trồng tháng 12/2023 và những cây trồng vào tháng 7/2023, gồm: 64 cây sầu riêng; 04 cây mít; 09 cây dừa; 10 cây mai; 07 cây chôm chôm Thái; 02 cây xoài.

Trả lại nguyên hiện trạng của thửa đất số 221, tờ bản đồ số 38, địa chỉ thửa đất: Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk cho bà H W Bkrông.

[2]. Về án phí:

Bà H W Bkrông không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà H R Triêk.

[3]. Về chi phí tố tụng: Bà H R Triêk phải chịu 3.800.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà H W Bkrông được nhận lại số tiền 3.800.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản sau khi thu được của bà H R Triêk.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Lắk;
- CCTHADS huyện Lắk;
- Các đương sự;
-
- Lưu.

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Sâm